

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 17 /2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 12 tháng 10 năm 2018
V/v “Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Quảng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Như Quang và bà Nguyễn Thị Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 69/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018, về việc “Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- Bị đơn: Anh B, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2018; Bản tự khai ngày 26-8-2018; Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 25-7-2018; Biên bản lấy lời khai ngày 20-9-2018; cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị A trình bày:

- Về hôn nhân: Chị A và anh B có tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 03-9-2008 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống anh B không lo tu chí làm ăn, thậm chí còn đánh bài, cá độ bóng đá, anh đã bán chiếc xe tải của gia đình. Anh B không ở nhà mà thường xuyên bỏ đi, trong thời gian anh B bỏ đi đã có quan hệ với người phụ nữ khác và không hề gửi tiền về nuôi con cái. Sau

nhiều lần như vậy, chị A nghĩ anh B đã thay đổi, nhưng anh B vẫn chứng nào tật nấy, ngoài ra anh B còn sử dụng các chất kích thích như cỏ mỹ và đã, sau đó thì gây chuyện với vợ con và cả hàng xóm. Chị A yêu cầu ly hôn với anh B.

- Về con chung: Chị A và anh B có 02 (hai) người con, tên C, sinh ngày 16-02-2009 và D, sinh ngày 30-9-2010. Chị Gấm yêu cầu nuôi cháu C và cháu D.

Chị Gấm yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi hai con chung với số tiền 1.500.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi cháu C và cháu D đủ 18 tuổi.

Hiện nay nghề nghiệp của chị A là phụ bán quán ăn sáng và chiều. Thu nhập của chị A là 6.000.000 đồng/tháng. Trước đây nghề nghiệp của anh B là tài xế, nhưng chiếc xe tải nhỏ đã bán, còn hiện bây giờ anh B làm gì thì chị A không biết, vì anh B hay vắng nhà và lâu lâu mới về.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bị đơn anh B nhưng anh B không đến Tòa án làm việc, vì vậy không có lời khai và yêu cầu của anh B trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn thực hiện chưa đúng quy định của pháp luật.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về nội dung đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị A.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm có: Bản gốc đơn khởi kiện ngày 16-4-2018; Bản sao chứng minh nhân dân của chị A; bản sao sổ hộ khẩu của anh B và chị A; bản gốc giấy chứng nhận kết hôn của anh B và chị A; bản sao trích lục khai sinh của cháu C và cháu D; bản gốc bản tự khai ngày 08-6-2018; bản gốc đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ việc gửi tài liệu, chứng cứ ngày 04-5-2018; Bản gốc biên bản xác minh ngày 04-5-2018; 02 bản gốc biên bản hỏi ý kiến con chưa thành niên ngày 28-6-2018.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

- Chị A và anh B có đăng ký kết hôn ngày 03-9-2008 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, tỉnh Gia Lai.

- Chị A và anh B có 02 (hai) người con, tên C, sinh ngày 16-02-2009 và D, sinh ngày 30-9-2010.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Không.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 4 năm 2018 của chị A về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh B có hình thức và nội dung đúng theo quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh B hiện cư trú tại thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Gia Lai nên việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của chị A của Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh B đã được toà án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà và được toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do vậy toà án nhân dân huyện Ia Grai xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Chị A và anh B có đăng ký kết hôn ngày 03-9-2008 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, tỉnh Gia Lai. Chị A và anh B kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp

Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống, anh B không lo làm ăn chăm sóc gia đình, thường xuyên bỏ nhà đi chơi phát sinh nợ nần phải bán đi nhiều tài sản trong nhà, dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Thực tế chị A và anh B đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị A và anh B không thường xuyên liên lạc, quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tình cảm vợ chồng không còn, không ai còn quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án đã nhiều lần tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn để hòa giải cho các đương sự về đoàn tụ, xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, bị đơn đã không đến Tòa án để tiến hành hòa giải. Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị A và anh B là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của A.

[3] Xét yêu cầu nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Chị A và anh B có 02 (hai) người con, tên C, sinh ngày 16-02-2009 và D, sinh ngày 30-9-2010. Chị Gấm yêu cầu nuôi cháu C và cháu D. Xét từ thời điểm chị A và anh B sống ly thân thì cháu C và cháu D đều do chị A nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị A có điều kiện đảm bảo khả năng nuôi con nên việc giao cháu C và cháu D cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quá trình phát triển toàn diện, bình thường của cháu C và cháu D, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng được ở với mẹ của các cháu.

Tại phiên toà chị A yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi C, sinh ngày 16-02-2009 và D, sinh ngày 30-9-2010 với số tiền 1.500.000 đồng/tháng/cháu. Hội đồng xét xử xét thấy cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, do vậy cần chấp nhận yêu cầu

cấp dưỡng của chị A. Chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc đối với trẻ em từ 7 tuổi đến 10 tuổi tại địa phương (Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Gia Lai) khoảng 3.000.000 đồng/tháng/cháu, mức cấp dưỡng mà chị A yêu cầu 1.500.000 đồng/tháng/cháu là phù hợp có cơ sở chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị A.

1. Về hôn nhân: Chị A ly hôn với anh B.

2. Về con chung : Giao con chung là cháu C, sinh ngày 16-02-2009 và D, sinh ngày 30-9-2010, cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu C và D thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng: Anh B cấp dưỡng nuôi các con chung là C, sinh ngày 16-02-2009 và D, sinh ngày 30-9-2010, mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm đồng*)/tháng/cháu. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 12/10/2018

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Buộc chị A phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0004739 ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Chị A đã nộp đủ. Buộc anh B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Chị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/10/2018), anh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- UBND xã Y, huyện Z;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Quảng